TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC CỬU LONG
https://tapchikhdhcl.edu.vn
https://vjol.info.vn/index.php/dhcl
P-ISSN 3093-3196
E-ISSN 3093-3226

TÌM HIỂU CÁCH VẬN DỤNG THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ TRONG TÁC PHẨM CỦA SƠN TÙNG (QUA TIỂU THUYẾT *BÚP SEN XANH* VÀ *BÔNG SEN VÀNG*)

THE STYLISTIC APPLICATION OF IDIOMS AND PROVERBS IN SON TUNG'S NOVELS Búp Sen Xanh (The Green Lotus Bud) AND Bông Sen Vàng (The Golden Lotus)

Nguyễn Hồng Viên*, Nguyễn Văn Nở
Trường Đại học Cửu Long
DOI: https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.03-e.1361 *Email: nguyenhongvien@mku.edu.vn
Ngày nhận bài: 17/06/2026 *Ngày phản biện: 23/06/2026* *Ngày duyệt bài: 28/09/2026*

TÓM TẮT

Sơn Tùng là nhà văn có đóng góp nổi bật trong việc khắc họa hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh qua thể loại tiểu thuyết lịch sử. Với sự cẩn trọng và lòng kính trọng, các tác phẩm của ông không chỉ tái hiện sinh động không khí lịch sử mà còn phản ánh được nét đẹp trong tâm hồn con người Việt Nam. Bằng cách sử dụng chất liệu ngôn ngữ dân gian, Sơn Tùng đã xây dựng nên một hệ thống nhân vật vừa có chiều sâu tri thức, vừa gần gũi với đời thường. Trong đó, việc vận dụng nhuần nhuyễn kho tàng thành ngữ, tục ngữ chính là yếu tố cốt lõi tạo nên sức hút cho văn chương của ông. Dựa trên việc khảo sát hai tác phẩm tiêu biểu Búp sen xanh và *Bông sen vàng, bài viết này tập trung phân tích tần số xuất hiện, hình thức biểu đạt và chức năng nghệ thuật của các thành ngữ, tục ngữ. Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ năng lực sử dụng ngôn từ của tác giả, đồng thời cho thấy ý thức rõ rệt của ông trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.*

Từ khóa: *Bông sen vàng, Búp sen xanh, Sơn Tùng, ngôn ngữ dân gian, thành ngữ, tục ngữ, tiểu thuyết lịch sử.*

ABSTRACT

Son Tung is a novelist who has outstanding contributions to portraying President Ho Chi Minh within the historical fiction genre. Through meticulous research and profound respect, his works not only vividly recreate the historical atmosphere but also reflect the beautiful soul of the Vietnamese people. By drawing on folk language resources, Son Tung has constructed a character system that possesses both intellectual depth and a closeness to ordinary life. Among these elements, his authoritative use of a rich stock of idioms and proverbs functions as a central component of his literary appeal. Based on a survey of two representative novels, Bup sen xanh and Bong sen vang, this article focuses on analyzing the frequency of occurrence, expressive forms, and aesthetic functions of idioms and proverbs. The research results contribute to clarifying the author's linguistic competence, while simultaneously demonstrating his distinct awareness of preserving and promoting national cultural identity.

Keywords: *Bong sen vang, Bup sen xanh, Son Tung, folk language, idioms, proverbs, historical fiction*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong chỉnh thể ngôn ngữ dân tộc, thành ngữ và tục ngữ là những thành tố quan trọng, phản ánh đậm nét tư duy và bản sắc văn hóa dân tộc. Cùng với dòng chảy phát triển của tiếng Việt, kho tàng lời ăn tiếng nói dân gian ấy ngày càng trở nên phong phú và có sức biểu đạt sinh động trong văn học. Là một cây bút luôn có ý thức tiếp nối các giá trị truyền thống, Sơn Tùng đã đưa lớp ngôn từ đặc sắc này vào trang viết của mình một cách rất tự nhiên. Khảo sát qua hai tiểu thuyết *Búp sen xanh* và *Bông sen vàng*, nhà văn đã vận dụng 293 đơn vị thành ngữ, tục ngữ với 402 lượt xuất hiện, được triển khai cụ thể qua hai phương thức chính: vận dụng nguyên dạng để đảm nhiệm các chức năng cú pháp khác nhau, và vận dụng cải biến linh hoạt bằng cách thêm từ, thay từ, mượn ý, lược vế, đảo trật tự hoặc phối hợp liên hoàn. Cách vận dụng này không những góp phần tái hiện chân thực bầu không khí lịch sử và khắc họa sâu sắc tính cách nhân vật, mà còn giúp lối hành văn trở nên ngắn gọn, giàu hình ảnh. Qua đó, tác phẩm vừa phản ánh rõ nét xu hướng bản địa hóa ngôn ngữ, vừa lưu giữ trọn

vẹn những vẻ đẹp bình dị nhưng đầy chuẩn mực của tiếng Việt.

Trong tương quan đối chiếu với các công trình đi trước, việc đưa thành ngữ, tục ngữ vào văn học vốn không phải là hiện tượng mới, song hiệu quả biểu đạt lại phụ thuộc vào thi pháp thể loại và dụng ý nghệ thuật của từng tác giả. Nếu Nam Cao sử dụng thành ngữ, tục ngữ để mô tả lời ăn tiếng nói hằng ngày nhằm phản ánh hiện thực đời sống nghèo khổ trước Cách mạng, còn Sơn Nam lại chọn các đơn vị đã được biến đổi theo thói quen lời nói của cư dân miền Nam nhằm làm nổi bật nét văn hóa và phong vị của vùng đất Nam Bộ; thì phương thức vận dụng của Sơn Tùng trong tiểu thuyết lịch sử lại mang những đặc điểm đặc trưng riêng rõ rệt. Qua khảo sát hai tiểu thuyết *Búp sen xanh* và *Bông sen vàng,* chúng tôi xác định hai luận điểm mang tính mới cốt lõi trong cách biểu đạt của ông:

Về cấu trúc ngôn ngữ và phong cách chức năng: Sơn Tùng ưu tiên biểu hiện dạng thức chuẩn mực phổ quát của các đơn vị bốn âm tiết (đạt trên 90%), không địa phương hóa cấu trúc văn bản. Tương quan định lượng giữa thành ngữ, tục ngữ thuần Việt (74,4%) và Hán Việt (25,6%) tạo nên sự phân hóa phong cách chức năng rõ rệt: vừa đáp ứng sắc thái khẩu ngữ bình dân, vừa tái hiện chính xác lớp từ vựng hành chính - khoa bảng trong văn bản lịch sử.

Về chức năng cú pháp và thi pháp thể loại*:* Điểm mới hệ thống là việc chuyển đổi linh hoạt chức năng cú pháp của thành ngữ, tục ngữ từ thành phần phụ của câu thành các cấu trúc câu đơn biệt lập. Sự độc lập về mặt cú pháp này biến các đơn vị cố định thành những phán đoán mang tính châm ngôn, trực tiếp phục vụ đặc trưng thi pháp của thể loại tiểu thuyết lịch sử khi khắc họa hệ tư tưởng và khí tiết của nhân vật.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích một cách hệ thống cách thức vận dụng, các biến thể cải biến và chức năng nghệ thuật của thành ngữ, tục ngữ trong hai tác phẩm trên, từ đó khẳng định một hướng tiếp cận khoa học về quá trình tiếp cận và phát huy ngôn ngữ dân gian cùng ý thức bảo tồn vẻ đẹp chuẩn mực của tiếng Việt trong sáng tác của Sơn Tùng.

1. Cơ sở lý thuyết và tiêu chí nhận diện

Để việc thống kê và phân loại đạt tính chính xác và khách quan, nghiên cứu này sử dụng nền tảng lý luận từ các công trình chuyên sâu như *Thành ngữ học tiếng Việt* của Hoàng Văn Hành (2004), *Từ vựng học tiếng Việt* của Nguyễn Thiện Giáp (2009), kết hợp tư liệu đối chiếu từ *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam* của Nguyễn Lân (2014) làm tiêu chí nhận diện tường minh.

Theo đó, thành ngữ được xác định là cụm từ cố định, định danh tĩnh tại, mang nghĩa chuyển và vận hành như một từ trong câu (Ví dụ: ***đầu tắt mặt tối***). Ngược lại, tục ngữ là một câu hoàn chỉnh, diễn đạt một nhận định, một phán đoán trọn vẹn về mặt ngữ nghĩa và có thể tồn tại độc lập dưới dạng một văn bản ngắn (Ví dụ: ***Giấy rách phải giữ lấy lề***). Đối với lớp ngữ liệu gốc Hán, nghiên cứu đối chiếu với phân loại của Nguyễn Văn Khang (1997) để xác định các đơn vị đã chuyển âm Hán Việt và đồng hóa sâu sắc vào đời sống ngôn ngữ hằng ngày của người Việt (Ví dụ: ***thanh thiên bạch nhật***, ***hữu chí cánh thành***).

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai dựa trên quy trình thu thập dữ liệu bằng cách đọc văn bản và trích lọc toàn bộ các câu có chứa thành ngữ, tục ngữ trong hai văn bản tiểu thuyết *Búp sen xanh* (tái bản lần thứ 33, NXB Kim Đồng, 2025) và *Bông sen vàng* (tái bản lần thứ 2, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2024). Tiếp đó, chúng tôi phối hợp các phương pháp sau để xử lý dữ liệu:

Phương pháp thống kê - phân loại: Khảo sát toàn bộ văn bản của hai tiểu thuyết để lập danh mục các đơn vị thành ngữ, tục ngữ; phân nhóm theo tiêu chí cấu trúc (nguyên dạng/cải biến), nguồn gốc (thuần Việt/Hán Việt) và tần số xuất hiện.

Phương pháp phân tích ngữ cảnh: Đặt các đơn vị ngôn ngữ vào các cấu trúc câu và đoạn thoại cụ thể trong tác phẩm để xác định chức năng cú pháp (chủ ngữ, vị ngữ, định ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ) và mục đích ngữ dụng trong từng tình huống truyện.

Phương pháp so sánh: Đối chiếu số liệu giữa hai tác phẩm, đồng thời đặt trong mối liên hệ với các công trình nghiên cứu về phong cách ngôn ngữ văn xuôi cùng thời kỳ nhằm chỉ ra đặc trưng riêng của đối tượng khảo sát.

3. Nội dung khảo sát

Tần số vận dụng

Khảo sát hai tác phẩm *Búp sen xanh* và *Bông sen vàng*, chúng tôi thống kê được kết quả cụ thể về số lượng và tần số xuất hiện của thành ngữ, tục ngữ như sau:

Bảng 1. Thống kê số lượng và tần số thành ngữ, tục ngữ

Đối tượng thống kê	Số lượng (đơn vị)	Tần số (lần)	Hán Việt	Thuần Việt	Nguyên dạng	Cải biến
Thành ngữ	235	328	65	170	192	136
Tục ngữ	58	74	10	48	52	22
Tổng cộng	**293**	**402**	**75**	**218**	**244**	**158**

Bảng 2. Số lượng và tần số thành ngữ, tục ngữ xuất hiện trong tác phẩm

Tác phẩm	Số lượng	Tần số
Búp sen xanh	143	203
Bông sen vàng	150	199

Sự chênh lệch về tần số xuất hiện của thành ngữ, tục ngữ giữa hai tác phẩm một phần do dung lượng chi phối, mặt khác chịu ảnh hưởng trực tiếp từ bối cảnh không gian nghệ thuật. Ở *Búp sen xanh*, không gian làng quê Nghệ Tĩnh thuần hậu tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận dụng lời ăn tiếng nói dân gian, dẫn đến số lượng đơn vị có tần số xuất hiện cao hơn. Trong khi đó, *Bông sen vàng* tập trung tái hiện bối cảnh quan trường và kinh đô Huế cổ kính, trang nghiêm, đòi hỏi sự tiết chế và chọn lọc các đơn vị ngôn ngữ mang sắc thái uyên bác. Dù vậy, sự chênh lệch này là không đáng kể (chỉ 5 đơn vị), cho thấy ý thức sử dụng chất liệu dân gian một cách ổn định và xuyên suốt trong tư duy sáng tạo của Sơn Tùng khi viết về hình tượng vĩ nhân.

Thành ngữ, tục ngữ trong hai tiểu thuyết tương đối đa dạng về số lượng, đồng thời cho thấy sự lựa chọn cấu trúc đầy dụng ý với ưu thế tuyệt đối thuộc về các đơn vị bốn âm tiết (chiếm trên 90%). Các thành ngữ, tục ngữ này xuất hiện với tần số ổn định, đóng vai trò như những công cụ nghệ thuật để khắc họa diện mạo và số phận nhân vật. Đó là sức nặng của định mệnh qua *"**học tài thi phận**"*, là nỗi truân chuyên trong cảnh *"**gà trống nuôi con**"*, hay những chuẩn mực đạo lý và danh vọng qua "***hằng tâm hằng sản***", "***vinh quy bái tổ***".

Đáng chú ý, sự tương quan giữa các đơn vị thuần Việt và Hán Việt với tỷ lệ khoảng 3/1 đã minh chứng cho sự kết hợp hài hòa trong việc sử dụng ngôn từ của nhà văn Sơn Tùng. Một mặt, nhà văn ưu tiên chọn lọc những thành ngữ, tục ngữ thuần Việt gần gũi với đời sống hằng ngày của nhân dân; mặt khác, ông vẫn khéo léo điểm xuyết những thành ngữ Hán Việt để bảo lưu sắc thái trang trọng, tái hiện chân thực không khí chốn khoa bảng, quan trường. Sự giao thoa này không chỉ tạo nên tính phong phú cho văn bản mà còn khẳng định một bút pháp ngôn ngữ vừa bình dị, vừa giữ được vẻ đẹp chuẩn mực.

Cách vận dụng

Thứ nhất, vận dụng nguyên dạng

Trong *Búp sen xanh* và *Bông sen vàng*, các đơn vị nguyên dạng (192/328 lượt thành ngữ và 52/74 lượt tục ngữ) chiếm ưu thế không đơn thuần là kết quả của việc kế thừa vốn cổ, mà là một dụng ý nghệ thuật sắc sảo của Sơn Tùng. Việc bảo lưu cấu trúc cố định của ngôn ngữ dân gian đóng vai trò định vị chính xác không khí lịch sử và tâm thế nhân vật. Tại đây, giá trị biểu đạt phụ thuộc vào cách phân bổ phù hợp ngữ cảnh, biến mỗi đơn vị ngôn ngữ thành một tiêu điểm nghệ thuật.

Về mặt cấu trúc ngữ pháp, thành ngữ trong văn Sơn Tùng không còn là những đơn vị định danh tĩnh tại mà trở thành thành tố linh hoạt, trực tiếp tạo nên sức nặng cho trục ngữ lưu:

+ Vai trò chủ ngữ và vị ngữ:

Khi giữ vị trí chủ ngữ, thành ngữ không chỉ gọi tên một nhu cầu đời sống mà còn hiện thực hóa điều kiện sinh hoạt thành một điểm tựa vững chắc để bộc lộ phẩm chất con người. Điều này được minh chứng qua ngữ cảnh: *"**Nơi ăn chốn ở đã ổn định, chị Sắc bắt tay vào công việc kéo sợi dệt vải, lấy công làm lãi để nuôi con giúp chồng ăn học**"* (*Búp sen xanh, tr.80*). Tại đây,

thành ngữ đóng vai trò làm chủ ngữ cho vế câu đầu tiên, biến việc an cư vốn nhiều bộn bề thành một tiền đề cốt lõi, cho hành động tiếp theo.

Bên cạnh đó, sử dụng thành ngữ làm vị ngữ để miêu tả trạng thái và hành động một cách sống động. Những trang viết về xóm thợ nghèo trong *Búp sen xanh* trở nên ám ảnh hơn khi tác giả khắc họa cảnh ngộ nhân dân *"quanh năm họ **ăn đói mặc rách**, làm **đầu tắt mặt tối**" (Búp sen xanh, tr.32*). Cách dùng này giúp nhịp điệu câu văn trở nên gấp gáp, tái hiện chân thực sự cơ cực của kiếp người trong bối cảnh lịch sử.

+ Trong vai trò định ngữ**:** Thành ngữ đảm nhiệm vai trò định ngữ giúp cụ thể hóa các đặc điểm của danh từ tạo ra một sắc thái ngữ nghĩa đặc thù bao quanh danh từ đó. Đó là cái nhìn thấu thị về nỗi bần hàn qua cụm từ "*cảnh **đầu đường xó chợ**"*, thay vì dùng tính từ "nghèo khổ" hay "khốn khó" vốn mang tính chung chung, Sơn Tùng chọn thành ngữ ***đầu đường xó chợ*** để định ngữ cho danh từ "cảnh": *"Cũng may ông già có hoa tay, giỏi nghề mới khỏi được cảnh **đầu đường xó chợ**" (Bông sen vàng, tr.314).* Thành ngữ này không chỉ diễn tả mức độ nghèo khó mà còn chỉ không gian tồn tại của nhân vật – một không gian ngoài lề, bấp bênh.

Đồng thời, để biểu thị sự phê phán lối sống của tầng lớp quyền quý, nhà văn sử dụng thành ngữ làm định ngữ cho đối tượng "ông hoàng, bà chúa": *"Khối ông hoàng, bà chúa **dốt đặc cán mai**, ăn nói **dùi đục chấm nước mắm**, xấu xí như con cú mèo" (Bông sen vàng, tr.337).* Sự đối lập giữa danh xưng quý tộc và thực tế ***dốt đặc cán mai, dùi đục chấm nước mắm*** tạo nên hiệu quả châm biếm sâu sắc, phơi bày bản chất thiếu hụt văn hóa của một bộ phận tầng lớp quyền quý đương thời.

+ Chức năng bổ ngữ và trạng ngữ: Việc vận dụng này được xử lý hết sức nhuần nhuyễn nhằm gia tăng "tốc độ" và "sắc thái" cho hành động. Ví dụ: *"Con mèo ni ngày tôi mới xin về nuôi, sơ hở một tí là nó chộp thức ăn **lẹ như chớp**. Ăn vụng chẳng kém những con mèo khác…" (Bông sen vàng, tr.298).* Trong ngữ cảnh này bổ ngữ ***"nhanh như chớp"*** không chỉ miêu tả tốc độ cơ học mà còn gợi lên sự quyết liệt, dứt khoát trong cử chỉ.

Bên cạnh đó, ở ngữ cảnh: *"Nhiều bà con trong làng khâm phục tài múa đèn của cô đã gọi cô là cô Đèn. Nhưng không ít người ngầm coi cô là "**xướng ca vô loài**" (Búp sen xanh, tr.35).* Thành ngữ *"**xướng ca vô loài**"* lúc này có tác dụng tái hiện định kiến khắt khe của lễ giáo phong kiến đối với nghệ thuật. Sử dụng thành ngữ này làm bổ ngữ cho động từ *"coi": "ngầm coi cô là **xướng ca vô loài***", nhà văn đã tái hiện thành công định kiến khắt khe của xã hội cũ. Thành ngữ này dồn nén toàn bộ sự khinh khi, kỳ thị của lễ giáo phong kiến đối với nghệ thuật, đồng thời tạo ra một sự đối kháng ngầm, làm nổi bật bản lĩnh và sự thanh sạch của nhân vật (cô Đèn) trong sự vây hãm của dư luận

Không chỉ dừng lại ở vai trò định danh, thành ngữ trong tiểu thuyết lịch sử của Sơn Tùng còn đảm nhiệm vai trò trạng ngữ để phục dựng không khí thời đại và khí tiết quân tử. Điển hình là trường hợp của thành ngữ *"**thanh thiên bạch nhật**"*, ví dụ: *"Ông trấn tĩnh lại ngay, rồi mặc lễ phục, trèo lên đỉnh núi cao, hướng về hành tại, chắp tay lại giữa **thanh thiên bạch nhật**: Thần Tôn Thất Đạm, khâm sai chưởng lý quân vụ, cúi tâu ngự lãm" (Bông sen vàng, tr.67).* Đặt trong ngữ cảnh vị đại thần Tôn Thất Đạm mặc lễ phục, chắp tay tâu giữa *"**thanh thiên bạch nhật**"*, cụm từ này vượt thoát khỏi chức năng chỉ thời gian thuần túy để trở thành một biểu tượng đạo lý, gợi lên khí tiết quang minh chính đại của nhân vật.

Sử dụng thành ngữ như một câu đơn độc lập**:** Một trong những đặc điểm đáng chú ý trong cách viết của Sơn Tùng chính là tách các thành ngữ thoát khỏi vai trò thành phần phụ để biến chúng thành những câu đơn biệt. Cách viết này thường được nhà văn sử dụng trong những tình huống đòi hỏi sự cô đọng tối đa nhằm nhấn mạnh khẩu khí nhân vật hoặc đẩy cao trào cảm xúc. Để khẳng định bản lĩnh sắt đá của một thiên tài, tác giả mượn lời khen của thầy Lê Văn Miến: *"Khá lắm. **Hữu chí cánh thành**" (Búp sen xanh, tr.577)* – một sự ấn chứng đanh thép cho chí hướng của người thanh niên yêu nước.

Trong tác phẩm *Bông sen vàng*, khoảnh khắc người mẹ qua đời là một bi kịch đau đớn đối với nhân vật: "*Có thử thách nào tàn nhẫn hơn, ghê sợ hơn cái thử thách tuổi thơ mẹ chết! … Cha đi xa chưa về!... **Tứ cố vô thân**? …*" (*Bông sen vàng, tr.383).* Ở ngữ cảnh này, thành ngữ *"Tứ cố vô thân"* được sử dụng như câu hỏi tu từ đầy bất lực, lột tả trọn vẹn tình cảnh cô độc

đến cùng cực của đứa trẻ giữa đất khách quê người.

Tục ngữ nguyên dạng cũng được nhà văn vận dụng với vai trò là những luận cứ xác đáng, những chân lý hiển nhiên dùng để khép lại một vấn đề, khiến lập luận trở nên không thể chối cãi. Trong không gian Nho học nề nếp của gia đình cụ Phó bảng Sắc, các câu tục ngữ như *"**Tiên học lễ, hậu học văn**", "**Giấy rách phải giữ lấy lề**"* đã trở thành "điểm tựa tinh thần" vững chắc, định hướng nhân cách cho các con. Ví dụ:

*"Ngày chúng con sắp đi trẩy Kinh với cha mẹ, bà ngoại nằm chẳng ngủ mấy. Bà ôm con trong vòng tay, dặn dò bao nhiêu là chuyện… Bà dặn đi dặn lại cái câu "**Giấy rách thì giữ lấy lề**, nón rách thì giữ lấy mê đội đầu…"* (*Bông sen vàng, tr.332*)

*"Còn thầy cử Nguyễn Sinh Sắc thì khác hẳn. Thầy luôn uốn nắn học trò theo khuôn phép: "**Tiên học lễ, hậu học văn**". Nhưng thầy không hề nói miệt thị một lời, không đánh một roi những học trò phạm lỗi hoặc chậm lĩnh hội, chậm thuộc bài" (Bông sen vàng, tr.130)*

Nhìn chung, việc vận dụng nguyên dạng các thành ngữ, tục ngữ vào bài viết của Sơn Tùng không chỉ là mượn chất liệu dân gian có sẵn, mà là cách nhà văn tái hiện lại không khí lịch sử một cách trang trọng. Những câu chữ quen thuộc này giúp người đọc dễ hình dung hơn về cuộc sống lam lũ của người dân xứ Nghệ, hay nét văn hóa ứng xử chốn kinh kỳ xưa.

Thứ hai, vận dụng cải biến

Trong ngôn ngữ học, thành ngữ và tục ngữ vốn được định nghĩa là những đơn vị ngôn ngữ có cấu trúc chặt chẽ và tính ổn định cao. Tuy nhiên, trong các tác phẩm của nhà văn Sơn Tùng, những quy tắc về mặt hình thức này đã được thay thế bằng sự sáng tạo linh hoạt. Thay vì sử dụng nguyên dạng thành ngữ, tục ngữ, ông đã vận dụng một số hình thức cải biến. Điều này giúp các đơn vị ngôn ngữ dân gian trở nên tự nhiên hơn, phản ánh chính xác diễn biến tâm lý nhân vật và hòa hợp tuyệt đối với bối cảnh lịch sử của câu chuyện.

Cải biến về mặt từ ngữ

(a) Thêm từ

Sơn Tùng thường sử dụng hình thức thêm từ vào các đơn vị ngôn ngữ dân gian gốc. Nếu các thành ngữ, tục ngữ nguyên dạng vốn đã có giá trị biểu cảm cao và truyền tải nội dung trọn vẹn, thì việc thêm các hư từ, phụ từ quan hệ hay từ chỉ mức độ lại giúp câu văn trở nên nhịp nhàng, uyển chuyển và đặc biệt là cụ thể hóa được sắc thái biểu cảm trong từng hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

Qua khảo sát, có thể thấy nhà văn thường sử dụng các cặp từ hô ứng hoặc từ nối để nhấn mạnh sự tương phản hoặc bổ sung ý nghĩa. Chẳng hạn:

*- Vụng chèo khéo chống → **Đã** vụng chèo **lại** khéo chống*

- Nói ngược nói xuôi → Ngược thành xuôi, xuôi thành ngược

*- Ăn chưa no, lo chưa tới → Ăn chưa **biết** no, lo chưa tới **việc***

Với thành ngữ *"Vụng chèo khéo chống"*, khi miêu tả cảnh chị Cử Sắc mắng yêu bé Côn, tác giả đã thêm cặp quan hệ từ "đã... lại…": *"Chị cử Sắc phì cười mắng yêu: "Tổ cha cái thằng… **Đã vụng chèo lại khéo chống**!" (Búp sen xanh tr.94)*. Việc thêm từ này không chỉ nhấn mạnh sự đối lập giữa hành động sai (vụng) và cách biện minh lém lỉnh (khéo), mà còn làm tăng sắc thái hóm hỉnh, bộc lộ tình cảm âu yếm, bao dung của người mẹ đối với đứa con hiếu động.

Ngoài tác dụng nhấn mạnh, việc thêm từ còn giúp miêu tả cụ thể hóa đối tượng và tình huống truyện. Điển hình như cách tác giả biến đổi thành ngữ *"Ăn chưa no, lo chưa tới"* thành *"**Ăn chưa biết no, lo chưa tới việc**"*: "*"Chị cử Sắc biết con còn thơ dại, **ăn chưa biết no, lo chưa tới việc**, chị dặn dò ngay: Con phải nhớ câu: "Nhịn miệng thết khách" (Bông sen vàng, tr.133)*. Trong cấu trúc cải biến này, từ "biết" được thêm vào đã nhấn mạnh sự ngây thơ trong nhận thức của một đứa trẻ, trong khi từ "việc" giúp cụ thể hóa cái "lo" – không phải lo nghĩ mơ hồ mà là chưa biết lo toan bổn phận. Cách biến đổi trên không chỉ giúp câu văn cân đối hơn về mặt nhịp điệu mà còn khắc họa chính xác tâm thế non nớt nhưng đang dần trưởng thành của nhân vật bé Côn.

Nhìn một cách tổng thể, việc bổ sung các từ vào thành ngữ, tục ngữ đã giúp cụ thể hóa các nét nghĩa, từ đó cá tính hóa ngôn ngữ dân gian để phù hợp với lối diễn đạt, khẩu khí và tâm trạng riêng biệt của mỗi nhân vật. Cách cải biến này không chỉ có tác dụng nhấn mạnh nội dung, ý nghĩa của đơn vị gốc mà còn đem lại những

sắc thái biểu cảm mới, giúp câu văn trở nên nhịp nhàng, cân đối và rõ nghĩa hơn trong từng văn cảnh cụ thể.

(b) Thay từ

Sơn Tùng đã thay thế các thành tố trong thành ngữ, tục ngữ bằng từ địa phương Nghệ Tĩnh hoặc những từ ngữ mang tính gợi hình cao hơn, nhằm phù hợp hóa bối cảnh của tác phẩm. Thay vì dùng nguyên dạng *"Chó ngồi lòi đuôi"* để chỉ sự chật hẹp, nhà văn đã viết: *"**Chó nằm thòi đuôi**"*: *"Tôi rất cảm kích trước sự đối đãi hậu hĩ của dân làng, của hội đồng hương lý. Nhưng, tôi rất đau lòng, vì ruộng đất làng ta chia đều cho đầu người thì mỗi người chỉ được một mảnh đủ cho **chó nằm thòi đuôi**" (Búp sen xanh, tr.139).* Việc thay động từ *"ngồi"* bằng *"nằm"* gợi tả một không gian tĩnh tại nhưng tù túng, trong khi từ *"thòi"* (một biến thể dân dã của "lòi") làm cho câu văn mang đậm phong vị xứ Nghệ. Cách thay từ này khiến hình ảnh so sánh trở nên bình dân, gần gũi với đời sống thôn dã, giúp người đọc cảm nhận rõ nét không khí sinh hoạt trong tác phẩm.

Một ngữ cảnh khác là sự thay đổi trong câu tục ngữ quen thuộc *"Đi một ngày đàng, học một sàng khôn"*. Sơn Tùng đã thay từ chỉ đơn vị thời gian *"ngày"* bằng từ chỉ đơn vị không gian *"đoạn"*: *"**Đi một đoạn đàng, học một sàng khôn**"*: "*Thành tránh lời đề cao về mình, anh khiêm tốn:*

- Mỗi một cuộc đi xa là một dịp học hỏi được những điều bổ ích, các bác ạ.

*- Đúng. Đúng. – Ông xà ích vẻ ăn ý nói. Cậu ấm nói đúng. **Đi một đoạn đàng, học một sàng khôn** mà!" (Búp sen xanh, tr.248).*

Sự thay đổi này mang lại một sắc thái khiêm tốn nhưng sâu sắc. Nó ngầm khẳng định rằng kiến thức không chỉ đến từ những hành trình dài ngày mà ngay cả một quãng đường ngắn, một trải nghiệm nhỏ cũng có thể mang lại "sàng khôn" cho người có tâm thế cầu thị. Cách dùng này hoàn toàn tương thích với quá trình hình thành nhân cách và ý thức của người thanh niên.

(c) Mượn ý của thành ngữ, tục ngữ nguyên dạng

Trong các tác phẩm của mình, Sơn Tùng không chỉ đơn thuần sử dụng lại những câu chữ có sẵn mà thường xuyên mượn ý tưởng cốt lõi để triển khai theo cách viết riêng hoặc theo khẩu ngữ của nhân vật. Với cách làm này, nhà văn thường giữ nguyên nội dung gốc nhưng diễn đạt lại dưới dạng so sánh cụ thể hoặc "thơ hóa" để lời văn trở nên sinh động và giàu hình ảnh hơn.

Chẳng hạn, thay vì dùng nguyên dạng thành ngữ *"**Đàn gảy tai trâu**"*, tác giả đã để nhân vật nói một cách vần vè, đầy cảm thán: *"Từ nãy tao hổng buồn nói với tụi bây vì tao nể anh Ba Nghệ đang ngồi đây. Mà tao có nói cũng bằng thừa. Một lời nói của anh Ba là một gói vàng mà tụi bây hổng hiểu chi trọi. Thiệt là "**Cầm đờn mà gảy tai trâu**. Gảy bao nhiêu lại thêm đau tiếng đờn" (Búp sen xanh, tr.342).*

Tương tự, thành ngữ *"**Dốt đặc cán mai**"* cũng được biến đổi thành phép so sánh chân chất: *"Bé khiêm dừng tay vặt lông gà, nhìn phó Tràng trìu mến:*

- Giá chú học được nhiều chữ thì chú thông nghĩa và hóa rộng ra còn giỏi tuyệt trần!

*- Đầu óc chú **đặc như cán mai**, có ăn nhằm chi mô cháu" (Bông sen vàng, tr.128)*

Cách nói này làm cho câu văn trở nên mộc mạc, phù hợp với tính cách khiêm tốn của người thợ mộc, giúp hình ảnh so sánh vốn quen thuộc trở nên tự nhiên như lời ăn tiếng nói hằng ngày.

Đặc biệt, sự sáng tạo của Sơn Tùng còn nằm ở việc nâng tầm tư tưởng cho các câu tục ngữ quen thuộc. Từ câu *"**Ăn quả nhớ kẻ trồng cây**"*, ông đã cải biến thành *"**Ăn quả phải biết gieo hạt**"*: *… Đến lượt cháu chia chữ cho Xển là việc bình thường bác ơi. Cha mẹ cháu thường nói: "**Ăn quả phải biết gieo hạt**" bác ạ*" **(***Bông sen vàng, tr.93)*

Sự thay đổi này rất tinh tế: nó không chỉ dừng lại ở lòng biết ơn quá khứ mà còn nhấn mạnh trách nhiệm gieo mầm, lan tỏa tri thức cho tương lai - một tư tưởng lớn xuyên suốt quá trình trưởng thành của nhân vật bé Côn.

Đôi khi, tác giả còn đảo ngược ý nghĩa gốc như trường hợp *"**Đánh chó không ngó đến chúa**"* để phê phán trực diện sự xấc xược, không tôn trọng người khác: *"Kỳ chau mày định đấm trả Tuấn một cái lỗi đánh mèo vô cớ. Nhưng Côn đã kéo tay Kỳ lại, giọng Côn hơi dỗi:*

*- Cậu Tuấn đánh mèo đang ngủ trong tay tôi thì có khác chi người "**đánh chó không ngó đến chúa**", đó nha"* **(***Bông sen vàng, tr.11)*

Tục ngữ gốc *"**Đánh chó ngó chúa**"* (hoặc "đánh chó phải kiêng chủ nhà") vốn dùng để khuyên răn về sự nể nang, biết tôn trọng chủ nhân khi hành xử với kẻ dưới quyền hoặc vật nuôi của họ. Tuy nhiên, nhà văn đã thêm từ phủ định "không" vào giữa để tạo thành một tục ngữ mới mang ý nghĩa ngược lại: hành động ngang ngược, vô lễ, không biết nể nang ai.

(d) Sử dụng một vế

Ở dạng cải biến này, nhà văn Sơn Tùng không sử dụng nguyên dạng các đơn vị cố định vào tác phẩm mà thực hiện việc lược bỏ một vế. Tuy nhiên, người đọc vẫn có thể tri nhận được trọn vẹn thông điệp nhờ vào khuôn hình thành ngữ, tục ngữ vốn đã ăn sâu vào tâm thức người Việt. Đặc biệt, những ngữ liệu mà tác giả lựa chọn thường rất gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân, tạo nên một sự cộng hưởng về mặt văn hóa giữa nhà văn và độc giả.

Nhà văn thường sử dụng vế chính – vế quyết định nghĩa khái quát của cả câu – để lời văn trở nên gãy gọn, phù hợp với khẩu ngữ tự nhiên:

Học ăn, học nói, học gói, học mở → ***Học ăn học nói***

Con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa thì quét lá đa → ***Con vua rồi lại làm vua***

Tối lửa tắt đèn có nhau → ***Tối lửa tắt đèn***

Trong ngữ cảnh bé Côn được cụ Lê Văn thưởng cho tập thơ quý, cậu đã lễ phép thưa: *"Kính cụ, cháu còn thơ ngây, cháu đang **học ăn học nói**" (Bông sen vàng, tr.268).* Tục ngữ gốc vốn chỉ bốn kỹ năng ứng xử cơ bản, nhưng ở đây Sơn Tùng chỉ giữ lại vế đầu để phù hợp với tâm thế của một đứa trẻ đang chập chững rèn luyện nhân cách. Việc lược bỏ vế sau không làm giảm đi ý nghĩa, trái lại còn làm nổi bật sự khiêm nhường và lòng cầu thị của nhân vật.

Ở một phương diện khác, việc lược vế còn tạo ra những "khoảng lặng" để bộc lộ chiều sâu tâm lý. Khi nhân vật nhắc đến câu: *"**Con vua rồi lại làm vua**": "Côn cười hồn nhiên đỡ lời mẹ: - Thỉnh thoảng anh cả nói với mệ Huệ Minh và Tôn Thất Tuấn: "**Con vua rồi lại làm vua**". Liệu ngày đó các mệ có còn nhớ tụi mình không?" (Bông sen vàng, tr.309),* sự vắng mặt của vế *"**con sãi ở chùa thì quét lá đa**"* lại chính là nơi chứa đựng nỗi buồn man mác về sự phân chia giai cấp. Nó ngầm ý về sự xa cách địa vị sẽ chia rẽ những tình bạn thơ ấu và dự cảm về một thân phận thường dân đầy gian truân.

Thậm chí, việc lược vế còn được dùng để "thực tế hóa" ngôn ngữ. Thành ngữ *"Tối mắt tối mũi"* được rút gọn thành *"**Bận tối mắt**"*: Khi chị Cử Sắc đùa với con: *"Mẹ **bận tối mắt**, con còn bịt mắt cho mẹ tối thêm hả!" (Bông sen vàng, tr.121*), cụm từ này vừa chỉ sự tất bật, vất vả, vừa mô tả đúng thực tế hành động bị con che mắt. Cách dùng này giúp lời thoại trở nên sinh động, mang đậm tình mẫu tử và không khí đầm ấm của gia đình xứ Nghệ.

(e) Đảo trật tự cú pháp

Đối với các thành ngữ có quan hệ đẳng lập, hình thức đảo trật tự các thành tố trong sáng tác của Sơn Tùng diễn ra khá đa dạng. Nhà văn không giữ nguyên khuôn mẫu cố định mà thực hiện việc hoán chuyển vị trí để nhấn mạnh vào các hành động cụ thể hoặc làm cho lời thoại của nhân vật trở nên tự nhiên, hòa nhập sát sao với mạch văn.

Ở hình thức này, nhà văn vẫn giữ nguyên khung kết cấu ngữ pháp nhưng thực hiện hoán đổi các cặp từ đối ứng giữa hai vế. Cách làm này vừa đảm bảo tính cân đối, nhịp nhàng của câu chữ, vừa giúp ý nghĩa của thành ngữ trở nên cụ thể hơn trong từng hoàn cảnh:

Chân yếu tay mềm → ***Tay yếu chân mềm***

Mua vui bán buồn → ***Bán buồn mua vui***

Trong ngữ cảnh ông xà ích bày tỏ lòng thương cảm với người học trò: *"Bầy tui thương chú học trò, **tay yếu chân mềm** mà làm cái việc đào đất cất gỗ, tội nghiệp quá ta!" (Búp sen xanh, tr.252***)**. Việc đảo "tay" lên trước "chân" là một sự lựa chọn tinh tế, gắn liền với hành động "đào đất cất gỗ" vốn đòi hỏi sức lao động trực tiếp từ đôi tay. Sự hoán vị này làm nổi bật sự tương phản giữa vẻ ngoài thư sinh với công việc nặng nhọc, khiến lời nói của nhân vật trở nên thấm thía và chân thực hơn.

Tương tự, với thành ngữ cải biến "***Bán buồn mua vui***", trật tự mới đã tạo nên một sắc thái biểu cảm tích cực. Qua lời hát của ông già Đờn: *"Đến đây ta phải **bán buồn mua vui**" (Búp sen xanh, tr.328)*, hành động "bán buồn" được đưa lên hàng đầu như một sự chủ động tống khứ

nỗi đau khổ trước khi tìm kiếm niềm vui. Cách đảo này lột tả chính xác tâm thế lạc quan của những người lao động nghèo, mượn tiếng đàn câu hát để xua đi nghịch cảnh thực tại.

Bên cạnh việc hoán đổi các cặp từ, Sơn Tùng còn thực hiện đảo toàn bộ vị trí các vế trong câu tục ngữ để khẳng định những giá trị tư tưởng mới:

Quan nhất thời, dân vạn đại → ***Dân vạn đại, quan nhất thời***

Trong đoạn bé Côn đúc kết về đạo làm quan: *"**Dân vạn đại, quan nhất thời**, Ghế quan ai ngồi xin chớ thờ ơ" (Búp sen xanh, tr.151).* Việc đưa vế "dân" lên vị trí ưu tiên trước "quan" không chỉ là sự thay đổi về mặt cú pháp mà còn là sự khẳng định tư tưởng "Dân là gốc". Trật tự này nhấn mạnh sức mạnh trường tồn của nhân dân so với sự tạm thời của quan trường, giúp câu vè mang sức nặng giáo huấn sâu sắc và phù hợp với quá trình hình thành ý thức của nhân vật chính.

Thứ ba, vận dụng liên thành ngữ, tục ngữ

Đây là phương thức vận dụng liên tiếp từ hai đơn vị trở lên trong cùng một ngữ cảnh nhằm nhấn mạnh các sắc thái biểu cảm, tạo nên hiệu quả nghệ thuật rõ rệt. Cách dùng này thường xuất hiện dưới các dạng sau:

Thành ngữ và thành ngữ

Nhà văn thường sử dụng liên tiếp các thành ngữ có cùng hướng nghĩa để khắc họa đậm nét bản chất đối tượng hoặc tạo ra những nốt nhấn cảm xúc mạnh mẽ:

(a) Chỉ sự bất lương, độc ác: "*Những bọn **đầu trâu mặt ngựa**, hoặc **mặt người dạ thú** thì cứ sống nhăn răng nhởn nhơ ở cái thế gian ni mãi"* (*Bông sen vàng, tr.398*). Việc đặt hai thành ngữ cạnh nhau không chỉ lột tả bản chất xấu xa tận cùng của bọn cường hào mà còn nhấn mạnh nỗi bất bình của người dân trước nghịch cảnh.

(b) Chỉ sự kém cỏi toàn diện: *"Khối ông hoàng, bà chúa **dốt đặc cán mai**, ăn nói **dùi đục chấm nước mắm**, xấu xí như con cú mèo" (Bông sen vàng, tr.337).* Chuỗi thành ngữ này tạo nên một bức tranh biếm họa sinh động về tầng lớp phong kiến thối nát, rỗng tuếch cả về trí tuệ lẫn nhân cách.

(c) Lời chúc tụng, gửi gắm: *"Chúc cháu đi được **trơn bọt lọt lạch**, **chân cứng đá mềm**!" (Búp sen xanh, tr.372).* Hai thành ngữ bổ trợ cho nhau: một vế cầu mong ngoại cảnh thuận lợi, một vế cầu mong nội lực vững vàng, thể hiện trọn vẹn tình cảm của thế hệ đi trước.

Thành ngữ và tục ngữ

Tác giả thường dùng thành ngữ để mô tả trạng thái, hoàn cảnh, sau đó dùng tục ngữ để đúc kết bài học hoặc cách ứng xử tương ứng. Sự kết hợp này tạo nên mối quan hệ nhân quả chặt chẽ trong lời nói: *"Ai đứt bữa, ai **tối lửa tắt đèn**, bà chìa tay giúp đỡ trong tình **lá lành đùm lá rách**" (Bông sen vàng, tr.74).* Thành ngữ *"tối lửa tắt đèn"* nêu lên hoàn cảnh hoạn nạn, còn tục ngữ *"lá lành đùm lá rách"* khẳng định hành động cưu mang, làm nổi bật tấm lòng nhân ái của bà Cử Sắc.

Khi dạy bảo con cái, bà Cử Sắc dùng liên hoàn: *"**Ăn chưa biết no, lo chưa tới việc**... con phải nhớ câu: **Nhịn miệng thết khách**. Không ai lại làm cái việc: **Đãi khách nhẹ đầu tăm, mình ăn gắp nặng đũa**" Bông sen vàng, tr.133*). Chuỗi kết hợp này tạo nên một bài học luân lý thấm thía về phép lịch sự và lòng hiếu khách của người dân Việt.

Tục ngữ và tục ngữ

Trong các cuộc đối thoại của các bậc tiền bối hoặc giữa các thành viên trong gia đình, các nhân vật thường sử dụng liên tiếp các câu tục ngữ để đối đáp hoặc chia sẻ trách nhiệm, tạo nên không khí trang trọng nhưng thắm đượm tình cảm:

(a) Trong giáo dục gia đình: *"Anh đứng phận làm cha, nhân cái lỗi **con dại cái mang**, mẹ đây là bà của nó, mẹ cũng có lỗi: **con hư tại mẹ, cháu hư tại bà**" (Búp sen xanh, tr.144).* Việc nối tiếp các câu tục ngữ cho thấy một nếp nhà gia giáo, nơi mọi người không đổ lỗi mà cùng nhau nhận trách nhiệm giáo dục con cháu.

(b) Trong chiêm nghiệm thân phận: *"Bà rất áy náy về cha cháu ở cái tuổi **trẻ chưa qua, già chưa tới** mà... **trai thất nội trợ, gái lỡ nhân duyên** là bất hạnh" (Búp sen xanh, tr.513).* Hai câu tục ngữ kết hợp theo quan hệ nguyên nhân - hệ quả, làm tăng cấp nỗi đau và sự áy náy của bà cụ đồ trước nghịch cảnh của con rể, biến cảm xúc cá nhân thành những nhận thức khái quát về quy luật nghiệt ngã của đời người.

Tóm lại, cách vận dụng thành ngữ, tục ngữ trong sáng tác của Sơn Tùng rất phong phú và

biến hóa. Nếu sự cải biến tạo ra những biến tấu về cấu trúc thì cách vận dụng liên hoàn lại tạo nên tính nhạc và chiều sâu văn hóa cho trang văn, góp phần quan trọng định hình phong cách ngôn ngữ của Sơn Tùng trong dòng chảy văn học Việt Nam hiện đại.

KẾT LUẬN

Thành ngữ và tục ngữ giữ vai trò quan trọng trong việc phản ánh tư duy, lối sống và bản sắc văn hóa của dân tộc, giúp cho ngôn ngữ nghệ thuật trở nên sinh động và giàu tính triết lý hơn. Qua hai tiểu thuyết *Búp sen xanh* và *Bông sen vàng*, hệ thống ngữ liệu dân gian được Sơn Tùng vận dụng một cách phong phú, biến hóa thông qua cả hai hình thức nguyên dạng và cải biến. Phương thức vận dụng này không những khắc họa chân thực bầu không khí lịch sử, bối cảnh thời đại mà còn thể hiện rõ nét đặc điểm tâm lý, hệ tư tưởng và khí tiết của nhân vật. Kết quả khảo sát định lượng và định tính trong bài viết góp phần khẳng định đặc trưng phong cách ngôn ngữ của Sơn Tùng, đồng thời chỉ ra một hướng tiếp cận có giá trị trong việc nghiên cứu sự giao thoa giữa ngôn ngữ dân gian và thể loại tiểu thuyết lịch sử hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Dân, N. N. (2000). *Tục ngữ Việt Nam: Cấu trúc và thi pháp*. Nxb Khoa học Xã hội.

Diên, C. X., Đang, L. V., & Tri, P. (1975). *Tục ngữ Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội.

Dương, N. T. T., & Nở, N. V. (2015). Thành ngữ cải biến trong truyện ngắn Đồng bằng sông Cửu Long. *Ngôn ngữ*, (1), 45–54.

Giáp, N. T. (2009). *Từ vựng học tiếng Việt*. Nxb Giáo dục.

Hằng, Đ. T. T., & Nở, N. V. (2010). Tìm hiểu cách vận dụng thành ngữ, tục ngữ trong tác phẩm của Sơn Nam. *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, (11), 32–38.

Hành, H. V. (2004). *Thành ngữ học tiếng Việt*. Nxb Khoa học Xã hội.

Hiếu, L. M. (2012). *Thành ngữ, tục ngữ trong sáng tác của nhà văn Nam Cao* [Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Thái Nguyên].

Khang, N. V., Thành, P. X., & Ý, N. (1997). *Từ điển giải thích thành ngữ gốc Hán*. Nxb Văn hóa.

Lân, N. (2014). *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*. Nxb Văn học.

Nga, T. T., & Nở, N. V. (2011). Cách vận dụng thành ngữ, tục ngữ trong tiểu thuyết của Lê Lựu. Trong *Kỷ yếu Hội thảo Ngữ học Toàn quốc* (tr. 120–128).

Nở, N. V. (2012). *Giáo trình Phong cách học tiếng Việt*. Nxb Đại học Cần Thơ.

Nở, N. V. (2024). Phối hợp ngữ – các hình thức vận dụng. *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, (358), 15–22.

Tùng, S. (2024). *Bông sen vàng* (Tái bản). Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

Tùng, S. (2025). *Búp sen xanh* (Tái bản). Nxb Kim Đồng.